

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114/2026/HS-ST**

Ngày: 29 - 6 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Sơn

Bà Hoàng Cúc Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Điện Biên tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 128/2026/HSST ngày 05 tháng 6 năm 2026, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2026/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Đức H; bị cáo không có tên gọi khác; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1989, tại tỉnh Điện Biên; Số CCCD: 011089008718, cấp ngày 12/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH, Bộ công an; Nơi thường trú: Tổ 08, phường Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố 23, phường Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Hồng P(Đã chết) và bà Phạm Thị Q; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không;

Tiền án: 01 tiền án: Tại bản án số 175/2023/HSST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/11/2024, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 24/4/2017, bị cáo bị Công an thành phố Đ xử phạt bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đã hết thời hiệu thi hành hình phạt tiền nên bị cáo đã được xóa tiền sự.

Ngày 17/3/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 08 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản theo Bản án số 43/2014/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đã được xóa án tích.

Ngày 07/3/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 39/2018/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ tạm giam tại Phân trại tạm giam Mường Thanh từ ngày 03/02/2026 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trịnh Xuân T; bị cáo không có tên gọi khác; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1980, tại tỉnh Ninh Bình; Số CCCD: 036080017784, cấp ngày 06/5/2024, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH, Bộ công an; Nơi thường trú: Bản S, xã X, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 14, phường Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Xuân H (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; Vợ: Lò Thị Đ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2009; Tiền sự: Không;

Tiền án: 01 tiền án: Tại Bản án số 88/2020/HSST ngày 19/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/04/2024, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ tạm giam tại Phân trại tạm giam Mường Thanh từ ngày 03/02/2026 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lò Thị Ngọc L; bị cáo không có tên gọi khác; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1988, tại tỉnh Điện Biên; Số CCCD: 011188003553, cấp ngày 03/12/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH, Bộ công an; Nơi thường trú: Tổ 05, phường Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở trước khi bị bắt: Căn hộ B102 chung cư H, số 3/61, đường N, tổ 7, phường Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Đại học; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; có chồng là: Phạm Đức L (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Bị cáo bị tạm giữ tạm giam tại Phân trại tạm giam Mường Thanh từ ngày 03/02/2026 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 31/01/2026, Phạm Đức H thuê xe ôm của người không quen biết đến bản P, đã gặp và mua của một người đàn ông tên là Tinh (H không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) được 01 túi zip màu xanh, có nẹp bấm bên trong chứa các viên Methamphetamine với giá 5.000.000 đồng (H không đếm nên không biết có bao nhiêu viên), sau đó H mang về phòng trọ thuộc tổ 23, phường Đ, tỉnh Điện Biên cho chung vào 01 túi zip màu trắng có nẹp bấm đựng gói Ketamine do H được một người đàn ông tên Thành (không biết họ, tên đệm, tuổi, địa chỉ) cho trong 01 lần đi chơi ở thành phố Hà Nội. H để gói ma túy trên mặt bàn trong phòng trọ, mục đích để sử dụng và bán kiếm lãi.

Vào ngày 01/02/2026, Trịnh Xuân T dùng tài khoản Messenger “Trinh Xuan Tung” nhắn tin, L lạc với Phạm Đức H qua tài khoản Messenger tên “Toi La Ai” của H hỏi mua ma túy loại Hồng phiến, H đồng ý, hẹn khi nào có thì L lạc lại. Khoảng 17 giờ ngày 02/02/2026, H L lạc qua Messenger bảo T chuyển cho H 2.500.000 đồng (gồm: 1.000.000 đồng để mua 10 viên hồng phiến và 1.500.000 đồng cho H vay) T đồng ý và chuyển tiền cho H. Khoảng 22 giờ ngày 02/02/2026, H L lạc với T để giao ma túy, H lấy 10 viên Methamphetamine trong túi zip màu xanh ra rồi xé một mảnh nilon màu trắng từ túi nilon có sẵn trong phòng trọ gói lại để trên mặt bàn trong phòng trọ. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, H một mình điều khiển xe máy biển kiểm soát 27B1-529.09 của anh Phạm Đức Thắng đi đến gần quán bia 102, thuộc tổ dân phố 14, phường Đ, tỉnh Điện Biên đưa gói ma túy nêu trên cho T, sau đó H đi về phòng trọ. Còn T nhận được ma túy thì đi đến bờ ruộng gần khu đô thị thuộc bản Hồng Lú, phường Mường Thanh rồi lấy ra 04 viên Methamphetamine và ông điều tự chế, bật lửa, giấy bạc mang theo từ trước để sử dụng ma túy bằng hình thức đốt hút. Sau đó, T vứt ống điều tự chế, bật lửa, giấy bạc đi nhưng không nhớ chỗ nào. T nhặt một mảnh nilon màu đen gói 06 viên Methamphetamine còn lại cất giấu ở gốc cây bên bờ ruộng cạnh đường vào cổng quán bia 102.

Khoảng 10 giờ ngày 03/02/2026, Lò Thị Ngọc L sử dụng tài khoản Zalo “Gió” gọi điện qua cho Trịnh Xuân T sử dụng tài khoản Zalo “Thanh tung” bảo T mang Methamphetamine đến chỗ ở của L là căn hộ B102, chung cư H Thanh, thuộc tổ dân phố 7, phường Đ để cùng sử dụng. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T lấy 06 viên Methamphetamine được gói bằng mảnh nilon màu đen cho vào vỏ bao thuốc lá Sài Gòn màu đen- xanh rồi cất giấu trong túi quần bên trái và thuê taxi của người không quen biết đi đến chỗ của L. Tại đây, T đưa gói Methamphetamine cho L sử dụng, còn T lên giường nằm. L lấy ra 01 viên Methamphetamine, dùng ống điều tự chế, bật lửa, giấy bạc có sẵn trong phòng để sử dụng bằng cách đốt, hút. Hồi 15 giờ 40 phút ngày 03/02/2026, khi L đang lấy 02 viên Methamphetamine đặt trên giấy bạc chuẩn bị sử dụng tiếp thì bị tổ công tác Công an tỉnh Điện Biên kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ: 05 viên Methamphetamine có tổng khối lượng 0,52 gam Methamphetamine và các vật chứng có L quan. Đối với 05 viên Methamphetamine mà L, T đã sử dụng: Tại công văn số 12A ngày 20/3/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh

Điện Biên trả lời: “Khối lượng 01 viên ma túy hồng phiến (Methamphetamine) có đặc điểm nêu ở trên, có khối lượng giao động từ 0,09 gam đến 0,11 gam”. Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo có cơ sở để xác định: Phạm Đức H phải chịu trách nhiệm hình sự đối 05 viên Methamphetamine mà L, T đã sử dụng hết có khối lượng là 0,09 gam/viên, tổng là 0,45 gam.

Ngày 03/02/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Đức H thuộc tổ 23, phường Đ, tỉnh Điện Biên thì H tự giác lấy trong túi quần bên phải đang mặc ra 01 túi ma túy chứa 11,14 gam Methamphetamine và 0,94 gam Ketamine được đựng trong 02 lớp túi zip màu trắng.

Tại Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 04/02/2026 xác định: vật chứng thu giữ của Phạm Đức H là các viên nén màu hồng ký hiệu M1 có khối lượng 11,14 gam và 1 túi zip chứa các tinh thể màu trắng có khối lượng 0,94 gam. Còn vật chứng thu giữ của Trịnh Xuân T và Lò Thị Ngọc L là 03 viên nén màu hồng ký hiệu M2 có khối lượng 0,31 gam và 02 viên nén màu hồng ký hiệu M3 có khối lượng 0,21 gam. Lấy toàn bộ vật chứng gửi giám định.

Tại Bản kết luận giám định số: 178/KL-KTHS ngày 10/02/2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Vật chứng ký hiệu M1, M2, M3 có tổng khối lượng là 11,66 gam, là chất ma túy: Loại Methamphetamine (Vật chứng thu giữ của Trịnh Xuân T, Phạm Đức H, Lò Thị Ngọc L); Vật chứng là túi chứa các tinh thể màu trắng thu giữ của Phạm Đức H có khối lượng 0,94 gam, là chất ma túy: Loại Ketamine. Hoàn lại tổng khối lượng Methamphetamine là: 9,63 gam và khối lượng Ketamine là: 0,97 gam.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về các kết luận giám định nêu trên.

Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô mà bị cáo Phạm Đức H sử dụng làm phương tiện phạm tội thuộc về chủ sở hữu là anh Phạm Đức Thắng, anh Thắng không biết H sử dụng xe vào việc phạm tội nên ngày 29/4/2026 Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 2709/QĐ-CSMT ngày 29/4/2026.

Tại Bản cáo trạng số: 121/CT-VKSKV1 ngày 05/6/2026 truy tố bị cáo Phạm Đức H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Truy tố bị cáo Trịnh Xuân T và Lò Thị Ngọc L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

+ Tuyên bố bị cáo Phạm Đức H phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Tuyên bố bị cáo Trịnh Xuân T và Lò Thị Ngọc L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Xuân T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lò Thị Ngọc L từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Số ma túy hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm tàng trữ lưu hành cần tịch thu tiêu huỷ cùng những vật dùng để gói, đựng ma túy cùng một chiếc tự chế, một bật lửa gas, một vỏ bao thuốc lá công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ; tịch thu đề nộp ngân sách nhà nước 1.000.000 đồng là tiền bị cáo Phạm Đức H bán ma túy mà có. Đối với ba chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo là phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu bán sung Ngân sách nhà nước.

+ Về án phí: Các bị cáo chịu án phí HSST theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đều không có lời bào chữa nào cho hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Ngày 02/02/2026 khu vực tại tổ 14, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên, Phạm Đức H đã bán trái phép 10 viên Methamphetamine có khối lượng 0,97 gam cho Trịnh Xuân T thu lợi 1.000.000 đồng. Khám xét tại phòng trọ của bị cáo H còn thu giữ được 11,14 gam Methamphetamine và 0,94 gam Ketamine

mục đích để sử dụng cho bản thân và bán kiếm lời. Như vậy, H phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng Methamphetamine và Ketamine mà bản thân tàng trữ khi bị thu giữ tại nơi ở và khối lượng Methamphetamine đã bán cho Trịnh Xuân T, tổng là 12,11 gam Methamphetamine và 0,94 gam Ketamine. Với loại ma túy và khối lượng như trên đủ cơ sở xác định: hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Mua trái phép chất ma túy” quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

“Điều 251. Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

... i) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, Ketamine, Fentanyl, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

... p) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này”

Hồi 15 giờ 40 phút ngày 03/02/2026 tại Căn hộ B102, Lò Thị Ngọc L và Trịnh Xuân T có hành vi cung cấp trái phép ma túy, địa điểm, dụng cụ, phương tiện và đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác. Ma túy mà Trịnh Xuân T cung cấp cho Lò Thị Ngọc L có nguồn gốc mua của Phạm Đức H nhưng H không biết và không tham gia vào việc sử dụng ma túy giữa T và L. Vì vậy, T và L là đồng phạm về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 còn H không phải là đồng phạm đối với tội trên.

“Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.”

Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người đúng tội, đúng quy định. Các bị cáo đều có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo:

Bị cáo H phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng còn bị cáo T và L phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi tàng trữ, mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện trong đó bị cáo L còn có trình độ Đại học. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm những quy định của nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự

trên địa bàn phường Đ. Bị cáo T và L là đồng phạm về tội “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tuy nhiên các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, việc tổ chức sử dụng mang tính chất bộ c phát nên đây chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo L là người có vai trò khởi xướng, cung cấp địa điểm, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội còn Trịnh Xuân Tùng là người có vai trò cung cấp ma túy để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác. Bị cáo H không phải là đồng phạm với T và L đối với tội “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” do H không biết mục đích T mua ma túy để tổ chức sử dụng trái phép với L.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân rất xấu vì trước khi phạm tội, bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xét xử và bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính L quan đến ma túy, tuy đã được xóa án tích nhưng thể hiện sự coi thường pháp luật. Bị cáo L có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo T chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Về các tình tiết tăng nặng TNHS:

Bị cáo H bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại bản án số 175/2023/HSST ngày 27/9/2023; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/11/2024. Bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án số 175/2023/HSST mà đến ngày 02/02/2026 lại phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản án số 88/2020/HSST ngày 19/5/2020; Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/04/2024. Bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án số 88/2020/HSST mà đến ngày 03/02/2026 lại phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Riêng bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tỏ rõ thái độ hối lỗi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng đối với các bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251; khoản 5 Điều 255 Bộ luật

Hình sự, tuy nhiên các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đến nay không còn tài sản có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng và các vấn đề khác:

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Số Methamphetamine và Ketamine hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cầm tàng trữ lưu hành cần tịch thu tiêu huỷ theo điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

+ Những vật để gói, đựng ma túy cùng những vật để sử dụng ma túy là công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ theo điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 1.000.000 đồng là tiền bị cáo Phạm Đức H bán ma túy mà có theo điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 03 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo là phương tiện phạm tội theo điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Trong hồ sơ vụ án còn thể hiện: Người đàn ông tên Tinh đã bán trái phép ma túy và người đàn ông tên Thành đã cho Phạm Đức Hùng ma túy, do bị báo không biết họ, tên đệm và địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ, HĐXX không xem xét.

Đối với chủ Chung cư Hùng Thanh cho bị cáo L thuê nhà, do không biết L sử dụng căn hộ vào việc phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý, HĐXX không xem xét.

Sau khi bị cáo Tùng, bị cáo Hùng bị bắt, cơ quan điều tra đã tiến hành test nhanh chất ma túy trong cơ thể của Tùng, Hùng kết quả đều dương tính với chất ma túy loại METH, MOP, MDMA, KET và THC. Tuy nhiên xác định được Tùng, Hùng chưa từng bị áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện, bắt buộc hay điều trị nghiện các chất ma túy bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý Tùng, Hùng về tội Sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Ngày 15/5/2026, Công an tỉnh Điện Biên ra các quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36,37/QĐ-XPHC đối với Trịnh Xuân Tùng và Phạm Đức Hùng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức Cảnh cáo.

Đối với số tiền bị cáo T cho bị cáo H vay mà bị cáo H chưa trả, tại phiên toà bị cáo T không đề nghị giải quyết về quan hệ dân sự vay tài sản nên HĐXX không giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ vào điểm p khoản 2 Điều 251 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025: Tuyên bố bị cáo **Phạm Đức H** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 255 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025: Tuyên bố bị cáo **Trịnh Xuân Tùng, Lò Thị Ngọc L** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo **Phạm Đức H** 10 (Mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 03/02/2026).

- Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo **Trịnh Xuân Tùng** 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 03/02/2026).

- Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo **Lò Thị Ngọc L** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 03/02/2026).

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025:

Tịch thu, tiêu hủy: 9,63 gam Methamphetamine và 0,79 gam Ketamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 chiếc ống điều tự chế được làm bằng nhựa trong suốt; 01 bật lửa gas màu xanh, 01 mảnh giấy bạc, 01 mảnh nilon màu đen, 01 vỏ bao thuốc lá, 01 túi zip màu xanh và 03 túi zip màu trắng;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu đen cũ đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Đức H; 01 điện thoại có dòng chữ TECNOSPARK không rõ nhãn hiệu màu xanh cũ đã qua sử dụng thu giữ của Trịnh Xuân T; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu xanh cũ đã qua sử dụng thu giữ của Lò Thị Ngọc L.

(Vật chứng theo mô tả tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/6/2026 giữa Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Điện Biên và Cơ quan cảnh sát điều tra).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) của bị cáo Phạm Đức H do phạm tội mà có.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2026).

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1- Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Điện Biên;
- Đội HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- CQ THAHS Công an tỉnh Điện Biên;
- Phân trại tạm giam Mường Thanh, trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA
(đã ký, đóng dấu)**

Trần Thị Thu Trà

